

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ L
TỈNH BÌNH THUẬN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 22/2018/DS-ST

Ngày: 29.11.2018

V/v: “Tranh chấp liên quan đến yêu
cầu tuyên bố văn bản công chứng vô
hiệu”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ L – TỈNH BÌNH THUẬN**

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà **Huỳnh Thị Vũ Toàn**

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông **Nguyễn Bá Bẩy**

2. Ông **Đỗ Vũ Ngọc Nam**

Thư ký phiên tòa: Ông **Nguyễn Công Thịnh** – Thư ký Tòa án nhân dân thị xã L, tỉnh Bình Thuận.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã L tham gia phiên tòa: Bà **Phạm Thị Bích Thảo** – Kiểm sát viên.

Ngày 29.11.2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã L xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 13/2017/TLST-DS, ngày 23 tháng 01 năm 2017, về: “Tranh chấp liên quan đến yêu cầu tuyên bố văn bản công chứng vô hiệu”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 36/2017/QĐST-DS, ngày 21/8/2017; Quyết định hoãn phiên tòa số: 24/2017/QĐST-DS, ngày 07/9/2017; Quyết định hoãn phiên tòa số: 26/2017/QĐST-DS, ngày 25/9/2017; Thông báo mở phiên tòa ngày 26.10.2018; Quyết định hoãn phiên tòa số: 22/2018/QĐST-DS, ngày 12.11.2018, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Anh **Đoàn Văn T**, sinh năm 1980; Địa chỉ: Thôn Bình An 2, xã Tân Bình, thị xã L, tỉnh Bình Thuận. Có mặt.

Anh **Đoàn Văn N**, sinh năm 1978; Địa chỉ: Thôn Hiệp An, xã Tân Tiến, thị xã L, tỉnh Bình Thuận. Có mặt.

2. Bị đơn: Ủy ban nhân dân xã T.B, thị xã L, tỉnh Bình Thuận.

Đại diện theo pháp luật của UBND xã T.B: Ông **Trần Thế H** – Chủ tịch UBND xã T.B.

Đại diện theo ủy quyền của ông Trần Thế H: Ông **Hoàng Văn N** – Phó Chủ tịch UBND xã T.B. Có đơn xử vắng mặt.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

- Bà **Đoàn Thị C**, sinh năm 1976; Địa chỉ: Thôn Bình An 2, xã Tân Bình, thị xã L, tỉnh Bình Thuận. Vắng mặt không lý do.

- Người kế thừa quyền và nghĩa vụ của ông Đoàn Văn T: Cháu Đoàn Văn S, sinh năm 2013; Địa chỉ: Thôn Bình An 2, xã Tân Bình, thị xã L, tỉnh Bình Thuận; Chỗ ở: Ấp Bình Tiến, xã Bình Châu, huyện Xuyên Mộc, tỉnh B.R – Vũng Tàu và Cháu Đoàn Văn T, sinh năm 2015; Chỗ ở: Ấp Bình Tiến, xã Bình Châu, huyện Xuyên Mộc, tỉnh B.R – Vũng Tàu. Người đại diện theo pháp luật của cháu Đoàn Văn S và Đoàn Văn T: Bà **Lê Thị T**, sinh năm 1985; Địa chỉ: Ấp Bình Tiến, xã Bình Châu, huyện Xuyên Mộc, tỉnh B. R – Vũng Tàu. Có mặt.

- Ông **Võ Đ**, sinh năm 1970; Là cán bộ của UBND xã T.B, thị xã L, tỉnh Bình Thuận. Có đơn xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 13.7.2016 và lời khai tại Tòa án nhân dân thị xã L, nguyên đơn trình bày:

Cha mẹ anh Đoàn Văn T và Đoàn Văn N là ông Đoàn Lý N và bà Nguyễn Thị B có 04 người con: Đoàn Thị C, Đoàn Văn T, Đoàn Văn N và Đoàn Văn T. Sau khi ông N và bà B qua đời thì bà Đoàn Thị C yêu cầu anh em chúng tôi ủy quyền cho bà thừa kế hai thửa đất số 640, tờ bản đồ số 5, diện tích 3.376 m² (đất trồng lúa 01 vụ), thuộc giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AĐ 097550 và thửa đất số 644, tờ bản đồ số 5, diện tích 620 m² (đất trồng cây hàng năm), thuộc giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AĐ 322372, nhưng không được anh em đồng ý. Sau đó qua một thời gian, anh T và anh N nghe thông tin bà C đã đứng tên chủ quyền của hai thửa đất trên và đã bán sang tay cho người khác. Theo thông tin, anh T và anh N thu thập được thì Ủy ban nhân dân xã T.B đã chứng thực cho bà C văn bản phân chia tài sản thừa kế theo pháp luật số 169, quyền số 01/TP/CC-SCT/HĐGD vào ngày 25.4.2014 để nhận thừa kế với hai thửa đất trên.

Anh T và anh N có khiếu nại đến UBND thị xã La Gi. Ngày 19.12.2014, UBND thị xã L có công văn trả lời số 3096/UBND-TNMT với nội dung: Xác nhận chữ ký trong văn bản phân chia tài sản thừa kế theo pháp luật số 169, quyền số 01/TP/CC-SCT/HĐGD vào ngày 25.4.2014 không phải là chữ ký của anh T và anh N; Đồng thời khẳng định việc UBND xã T.B chứng thực văn bản số 169 là trái pháp luật.

Nay, anh T và anh N khai rằng việc UBND xã T. B chứng thực văn bản số 169 là trái pháp luật, đã xâm phạm đến quyền và lợi ích hợp pháp của anh T và anh N, nên yêu cầu Tòa án giải quyết hủy văn bản chứng thực số 169, quyền số 01/TP/CC-

SCT/HĐGD ngày 25.4.2014 về việc phân chia tài sản thừa kế theo pháp luật. Tại phiên tòa hôm nay, nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu của mình.

Bị đơn: UBND xã T. B, thị xã L, người đại diện theo ủy quyền là ông Hoàng Văn N – Phó chủ tịch, trình bày:

Ngày 15.8.2017, UBND xã T. B có Công văn số 58/UBND về việc cung cấp bổ sung một số nội dung có liên quan đến việc chứng thực văn bản phân chia tài sản theo pháp luật số 169 ngày 25.4.2014, với nội dung như sau: Ngày 24.3.2014 cán bộ công chức tư pháp – hộ tịch đi công tác tại địa bàn thôn, bức xúc việc chờ đợi của công dân, ông Võ Đ – Phó chủ tịch UBND xã T. B trực tiếp nhận hồ sơ của bà Đoàn Thị C về văn bản phân chia tài sản thừa kế theo pháp luật.

Theo ông Võ Đ – nguyên Phó chủ tịch UBND xã T. B cung cấp: Ngày hôm đó chỉ có bà Đoàn Thị C và ông Đoàn Văn T là người có mặt tại buổi làm việc và ký trực tiếp vào văn bản phân chia tài sản trước ông Võ Đ, còn bà Nguyễn Thị B, ông Đoàn Văn T và ông Đoàn Văn N không có mặt. Hiện nay, giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AĐ 097550 thửa đất số 640, tờ bản đồ số 5, diện tích 3.376 m² và giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AĐ 322372 thửa đất số 644, tờ bản đồ số 5, diện tích 620 m² đều đứng tên bà Đoàn Thị C và UBND xã T.B đang lưu giữ. Hiện nay, ông T và ông N đang trồng keo lá tràm trên hai thửa đất này.

Việc chứng thực văn bản phân chia di sản thừa kế ngày 25.4.2014 của UBND xã T.B, nếu không đúng theo trình tự quy định của Luật công chứng, chứng thực thì Tòa án cứ xem xét giải quyết theo quy định của pháp luật.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

Bà Đoàn Thị C: Bà C không có lời khai trong hồ sơ vụ án.

Tòa án đã tiến hành niêm yết các văn bản tố tụng tại địa phương nơi bà C sinh sống như: Thông báo thụ lý vụ án, giấy triệu tập đương sự, thông báo phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ, Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa, Thông báo mở phiên tòa. Bà C không có ý kiến cũng như không có văn bản trả lời khi được thông báo. Qua kết quả xác minh tại địa phương, bà C không còn sinh sống tại địa phương và khi đi không khai báo. Tại phiên tòa, bà C vắng mặt không có lý do.

Chị Lê Thị T - Là người đại diện theo pháp luật của cháu Đoàn Văn S và Đoàn Văn T, trình bày: Chị T chung sống với ông Đoàn Văn T, nhưng không đăng ký kết hôn. Vào ngày 11.02.2017, ông T đi biển và mất tích từ đó đến nay, chị T có làm giấy khai tử cho ông T vào ngày 14.4.2017. Chị T chung sống với ông T có 02 con chung: Đoàn Văn S, sinh ngày 02.6.2013 và Đoàn Văn T, sinh ngày 26.11.2015. Việc anh T và anh N khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết hủy văn bản số 169 ngày 25.4.2014, thì

Tòa án cứ giải quyết theo quy định của pháp luật, nhưng đối với thửa đất mà ông T được hưởng một phần thì chị T yêu cầu cho các con chị thừa kế quyền lợi của ông T và chị là người quản lý sau này giao lại cho các con khi đến tuổi trưởng thành, chị T không yêu cầu khởi kiện độc lập. Tại phiên tòa, chị T không có ý kiến trình bày.

Ông Võ Đ trình bày: Tại thời điểm chứng thực văn bản số 169 ngày 25.4.2014 của bà Đoàn Thị C, thì ông Đ đang giữ chức vụ Phó chủ tịch UBND xã T.B. Ông Đ đại diện cho UBND xã T. B có chứng thực văn bản phân chia thừa kế về tài sản theo pháp luật của bà Nguyễn Thị B và các con bà. Tại buổi làm việc có bà Đoàn Thị C và ông Đoàn Văn T ký trực tiếp vào văn bản, còn bà Nguyễn Thị B, ông Đoàn Văn T, Đoàn Văn N không có mặt tại buổi làm việc, nhưng đã ký trước vào văn bản, còn ai là người ký thay thì không rõ. Ông Đ thừa nhận việc ký chứng thực như vậy là không đúng theo quy định về chứng thực của pháp luật, nhưng do điều kiện của địa phương hôm đó cán bộ phụ trách chứng thực vắng. Mặt khác, để không gây phiền hà cho nhân dân, giải quyết kịp thời hồ sơ thủ tục cho nhân dân nên ông Đ đã ký chứng thực vào văn bản phân chia tài sản, Tòa án căn cứ vào sự việc để giải quyết theo pháp luật. Tại phiên tòa, ông Đ có đơn xin xử vắng mặt.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã L, phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án và phát biểu ý kiến về nội dung vụ án: Văn bản công chứng số 169 ngày 25.4.2014 do UBND xã T. B chứng thực không có mặt anh T và anh N và không đúng quy định của pháp luật, nên yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn có căn cứ chấp nhận, đề nghị HĐXX tuyên vô hiệu. Về án phí: Bị đơn phải chịu án phí theo quy định của pháp luật, hoàn trả tiền tạm ứng án phí cho nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

Về thẩm quyền: Xét đơn khởi kiện của anh Đoàn Văn T và Đoàn Văn N yêu cầu tuyên bố văn bản phân chia tài sản thừa kế theo pháp luật được chứng thực số 169 quyển số 01/TP/CC-SCT/HĐGD ngày 25.4.2014 của Ủy ban nhân dân xã T. B là vô hiệu, là tranh chấp về dân sự, thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã L, theo quy định tại khoản 11 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự 2015.

Về tố tụng: Tại phiên tòa, bà Đoàn Thị C đã được triệu tập đến lần thứ hai mà vẫn vắng mặt; Bị đơn và ông Võ Đ có đơn xin xử vắng mặt. Căn cứ vào điểm b

khoản 2 Điều 227 và khoản 1, 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án.

Về nội dung vụ án: Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, Hội đồng xét xử xét thấy: Theo lời khai và các chứng cứ trong hồ sơ cũng như việc thẩm tra tại phiên tòa cho thấy: Ông Đoàn Lý N và bà Nguyễn Thị B có 04 người con: Đoàn Thị C, Đoàn Văn T, Đoàn Văn N và Đoàn Văn T. Sau khi ông N và bà B qua đời, mặc dù không được các anh em đồng ý nhưng bà Đoàn Thị C vẫn làm thủ tục để đứng tên chủ quyền hai thửa đất số 640 tờ bản đồ số 5, diện tích 3.376 m² thuộc giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AĐ 097550 và thửa đất số 644, tờ bản đồ số 5, diện tích 620 m² thuộc giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AĐ 322372 và Ủy ban nhân dân xã T. B đã chứng thực cho bà C văn bản phân chia tài sản thừa kế theo pháp luật số 169, quyền số 01/TP/CC-SCT/HĐGD vào ngày 25.4.2014 để nhận thừa kế với hai thửa đất trên và đã bán sang tay cho người khác. Quá trình giải quyết cũng như tại phiên tòa, anh T và anh N đều khai rằng không hề ký vào văn bản phân chia tài sản thừa kế. Phía bị đơn và ông Võ Đ là người trực tiếp ký chứng thực thừa nhận tại buổi làm việc có bà Đoàn Thị C và ông Đoàn Văn T ký trực tiếp vào văn bản, còn bà Nguyễn Thị B, ông Đoàn Văn T, Đoàn Văn N không có mặt tại buổi làm việc, nhưng đã ký trước vào văn bản, còn ai là người ký thay thì không rõ. Ông Đ thừa nhận việc ký chứng thực như vậy là không đúng theo quy định về chứng thực của pháp luật. Ngoài ra, theo Công văn số 138/UBND, ngày 01.12.2014 của UBND xã T. B phúc đáp theo nội dung Công văn số 638/TNMT-ĐKQSDĐ ngày 31.10.2014 của Phòng Tài nguyên và Môi trường thị xã L, thể hiện: Qua kiểm tra xác minh chữ ký trong văn bản phân chia tài sản thừa kế theo pháp luật ngày 24.5.2014 mà bà Đoàn Thị C yêu cầu UBND xã T. B chứng thực thì không phải chữ ký của ông Đoàn Văn T và ông Đoàn Văn N; Công văn số 3096/UBND-TNMT, ngày 19.12.2014 của UBND thị xã L về việc trả lời đơn của ông T và ông N: Việc UBND xã T. B chứng thực văn bản phân chia tài sản thừa kế theo pháp luật số 169, quyền số 01/TP/CC-SCT/HĐGD vào ngày 25.4.2014 là không đúng quy định pháp luật, dẫn tới việc xác nhận biến động do nhận thừa kế cho bà Đoàn Thị C theo văn bản phân chia thừa kế cũng không đúng.

Căn cứ vào khoản 1 Điều 41 Luật công chứng năm 2006 quy định: "Người yêu cầu công chứng, người làm chứng phải ký vào văn bản công chứng trước mặt công chứng viên". Như vậy, anh T và anh N không có mặt tại buổi làm việc để ký tên trước mặt người chứng thực. Người chứng thực – ông Võ Đ đã khai không có anh T và anh N mà có sẵn chữ ký trong văn bản phân chia tài sản thừa kế và theo Công văn 138/UBND, ngày 01.12.2014 của UBND xã T. B xác nhận không phải là chữ ký của anh T và anh N. Vì vậy, việc ký chứng thực là không đúng quy định pháp luật, đã vi phạm quy định tại khoản 1 Điều 41 Luật công chứng năm 2006, Hội đồng xét xử

tuyên bố văn bản phân chia tài sản thừa kế theo pháp luật được chứng thực số 169 quyền số 01/TP/CC-SCT/HĐGD ngày 25.4.2014 của Ủy ban nhân dân xã T. B là vô hiệu, phù hợp với quy định tại Điều 122, khoản 2 Điều 124, Điều 127 Bộ luật dân sự 2005.

Về án phí: Bị đơn phải chịu án phí sơ thẩm theo quy định tại Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30.12.2016 về án phí. Hoàn trả tiền tạm ứng án phí cho nguyên đơn.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Khoản 11 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39; điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1, 3 Điều 228, Điều 262, Điều 273; Điều 280 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

- Điều 122, khoản 2 Điều 124, Điều 127, 137 Bộ luật dân sự 2005.

- Khoản 1 Điều 41 Luật công chứng năm 2006;

- Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30.12.2016 về án phí.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Đoàn Văn T và Đoàn Văn N.

Tuyên bố văn bản phân chia tài sản thừa kế theo pháp luật được chứng thực số 169 quyền số 01/TP/CC-SCT/HĐGD ngày 25.4.2014 của Ủy ban nhân dân xã T. B là vô hiệu.

2. Về án phí: Ủy ban nhân dân xã T. B phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Hoàn trả cho anh Đoàn Văn T và Đoàn Văn N số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu số 0010084 ngày 19/01/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã L.

Án xử công khai sơ thẩm, báo cho nguyên đơn, chị Lê Thị T biết có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (Ngày 29.11.2018). Riêng đương sự vắng mặt (bị đơn và người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan) được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết tại nơi cư trú.

Trường hợp Bản án thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự đã sửa đổi, bổ sung, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án

hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự đã sửa đổi, bổ sung; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự đã sửa đổi, bổ sung.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bình Thuận;
- VKSND thị xã L;
- Chi cục THADS thị xã L;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ – án văn.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Đã ký

Huỳnh Thị Vũ Toàn